

Số: 20/2025/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 07 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84; 116, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 48/2025/TLST - HNGĐ ngày 02/4/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đăng H, sinh năm 2002
- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2001

Cùng HKTT: Thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Trần Ngọc D, sinh ngày 03/09/2019

Người đại diện hợp pháp cho cháu D là anh Trần Đăng H và chị Nguyễn Thị N là bố, mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đăng H và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 25/4/2022. Sau khi kết hôn, anh, chị sinh sống tại nhà anh H tại thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, mâu thuẫn về

làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù anh chị đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Anh H và chị N đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay cả hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh H và chị N là có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N.

[2]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị N có 01 con chung là cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 03/09/2019. Khi ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận giao cháu D cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, anh chị thỏa thuận anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh, chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về lệ phí*: Anh H, chị N nhất trí để anh H nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đăng H và chị Nguyễn Thị N.

1.2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 03/09/2019 cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị N có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Trần Đăng H không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vì quyền lợi của con chung anh H, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0000677 ngày 02/4/2025 là 300.000 đồng của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng (ĐKKH số 11/2022 ngày đăng ký 17/07/2017) ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê